

Bản án số: 55/2022/DS-ST
Ngày: 02 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Điện

2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Trụ sở: đường K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh G (Theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu T: Ông Trương Sơn E; chức vụ: Chuyên viên (Theo Giấy ủy quyền số 252/2022/UQ-LienVietPostBank.HG ngày 10/3/2022). (Có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường 1, thành phố T, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: 1/ Bà Võ Thị Tuyết L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

2/ Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A1, xã L, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:

Ngày 01/4/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi là Ngân hàng) - Phòng giao dịch L có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000624 với bị đơn và cho vay với số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ với trả nợ gốc. Kỳ hạn trả nợ gốc là trả hàng tháng vào ngày 27, trả 48 kỳ, 47 kỳ đầu trả 2.083.000 đồng; kỳ cuối trả 2.229.000 đồng, kỳ trả nợ đầu T vào ngày 27/4/2020. Ngày trả cuối cùng vào ngày 31/3/2024. Mục đích cho vay là bổ sung vốn bán tạp hóa, mua thêm đồ dùng giữ trẻ em, lãi suất cho vay 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất phạt quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng kể từ ngày 27/8/2021 đến nay. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ tính đến ngày 02/8/2022 như sau:

Nợ gốc: 66.622.589 đồng

Nợ lãi trong hạn: 10.000.000 đồng

Nợ lãi quá hạn: 2.206.609 đồng

Tổng cộng là: 78.829.198 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc khách hàng để thu hồi nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Do đó, đề nghị Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho ngân hàng nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng giao dịch đã ký kết và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình làm việc có cung cấp bản tự khai: Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng, thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ngân hàng, nhưng hiện do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được chậm thanh toán các khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại ấp A1, xã L, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Ngọc T và Võ Thị Tuyết L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000624 ngày 01/4/2020. Số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ với trả nợ gốc. Kỳ hạn trả nợ gốc là trả hàng tháng vào ngày 27, trả 48 kỳ, 47 kỳ đầu trả 2.083.000 đồng; kỳ cuối trả 2.229.000 đồng, kỳ trả nợ đầu T vào ngày 27/4/2020. Ngày trả cuối cùng vào ngày 31/3/2024. Mục đích cho vay là bổ sung vốn bán tạp hóa, mua thêm đồ dùng giữ trẻ em, lãi suất cho vay 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất phạt quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng kể từ ngày 27/8/2021 đến nay. Sau đó, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn cũng không thực nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 78.829.198 đồng, trong đó nợ gốc là 66.622.589 đồng, lãi trong hạn là 10.000.000 đồng, lãi quá hạn là 2.206.609 đồng. Quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng, thừa nhận có nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng để trả nợ cho ngân hàng, nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho một thời gian để thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ từ ngày 27/8/2021, ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện để bị đơn trả nợ, quá trình giải quyết tại Tòa án cũng đã cho các đương sự thỏa thuận, tạo điều kiện để cho bị đơn tiếp tục trả nợ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không tiếp tục trả nợ. Hơn nữa, ngân hàng cũng không đồng ý với đề nghị của bị đơn về việc cho bị đơn chậm thanh toán các khoản nên. Cho nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở xem xét và yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc bị đơn Võ Thị Tuyết L và Võ Ngọc T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền là 78.829.198 đồng (Bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 66.622.589 đồng, lãi trong hạn là 10.000.000 đồng, lãi quá hạn là 2.206.609 đồng, tính đến ngày 02/8/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2022), bị đơn còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000624 ngày 01/4/2020 (được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B - Phòng giao dịch L với ông Võ Ngọc T và bà Võ Thị Tuyết L) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần B thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn Võ Thị Tuyết L và Võ Ngọc T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.941.459 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.809.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007998 ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Tuấn Khanh